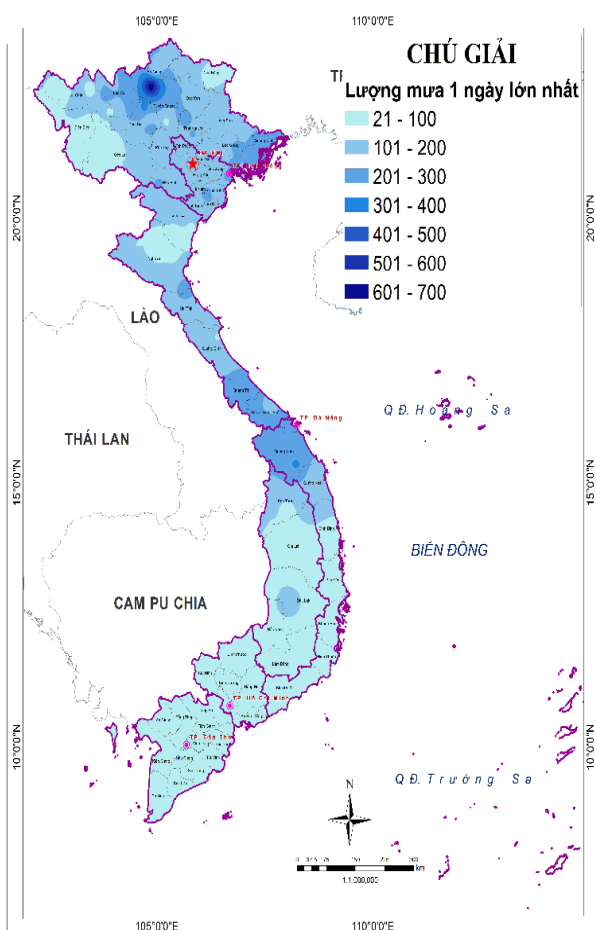
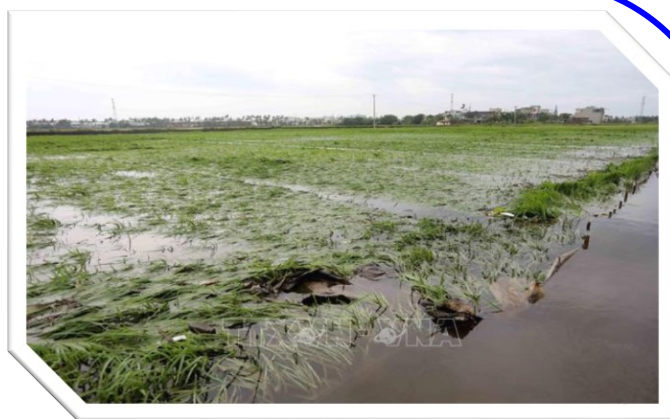


THÔNG BÁO VÀ DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP

(Số tháng 10/2024)



Bản đồ phân bố lượng mưa một ngày lớn nhất (Rx1day) tháng 9/2024 (mm)



Lúa mùa của người dân xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình ngập trong nước



Trại nuôi gà của một người dân tại huyện Mê Linh, TP Hà Nội bị ngập nặng do nước lũ

MỤC LỤC

	Trang
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	1
GIỚI THIỆU CHUNG	2
PHẦN I: DIỄN BIẾN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG 9 NĂM 2024	3
1.1. Diễn biến điều kiện khí tượng	3
1.2. Diễn biến sinh trưởng một số cây trồng chính và tình hình sâu bệnh hại	7
1.3. Tác động của điều kiện khí tượng đến trồng trọt và chăn nuôi	8
Phần II: DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP TỪ THÁNG 10 ĐẾN THÁNG 12 NĂM 2024	12
2.1. Tóm tắt dự báo khí hậu từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2024	12
2.2. Rủi ro của khí hậu đến trồng trọt và chăn nuôi	12
Phần III: KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP THÁNG 10 ĐẾN THÁNG 12 NĂM 2024	19
3.1. Rủi ro của khí hậu đến trồng trọt	19
3.2. Rủi ro của khí hậu đến chăn nuôi	19
3.3. Khuyến nghị	19

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT TẮT	CHỮ VIẾT ĐẦY ĐỦ
ASI	Chỉ số căng thẳng cây trồng do thiếu nước (Agricultural Stress Index)
BTB	Bắc Trung Bộ
DHNTB	Duyên hải Nam Trung Bộ
ĐBSH	Đồng bằng sông Hồng
ĐNB	Đông Nam Bộ
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
GMMH	Gió mùa mùa hè
KHNN	Khí hậu nông nghiệp
KTNN	Khí tượng nông nghiệp
NĐTB	Nhiệt độ trung bình
Rx1day	Lượng mưa một ngày lớn nhất
SNM	Số ngày mưa
SXNN	Sản xuất nông nghiệp
SGN	Số giờ nắng
SVGH	Sinh vật gây hại
TBNN	Trung bình nhiều năm
TCTĐ	Nhiệt độ tối cao tuyệt đối
TDMNPB	Trung du và miền núi phía Bắc
THI	Chỉ số nhiệt ẩm (Temperature humidity index)
TLM	Tổng lượng mưa
TTTĐ	Tối thấp tuyệt đối
XTNĐ	Xoáy thuận nhiệt đới

GIỚI THIỆU CHUNG

Bản tin “**Thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp**” được Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu xây dựng và xuất bản hàng tháng. Bản tin được cập nhật tại trang thông tin điện tử: <https://imh.ac.vn/category/hoat-dong-nghiep-vu/thong-bao-khi-tuong-nong-nghiep/>.

Các thông tin phục vụ xây dựng bản tin:

- (i) Thông tin về sinh trưởng cây trồng, tình hình sản xuất nông nghiệp và sinh vật gây hại (SVGH): Cục Bảo vệ Thực vật và Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- (ii) Số liệu quan trắc: (i) Số liệu CLIM do Tổng cục Khí tượng Thủy văn cung cấp; (ii) Số liệu giám sát và cảnh báo hạn hán từ thông tin viễn thám của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.
- (iii) Số liệu dự báo khí hậu: (i) Bản tin “Thông báo và dự báo khí hậu” của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu; (ii) Bản tin dự báo khí hậu của Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia.

Mọi ý kiến đóng góp, xin gửi về:

Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, số 23/62, Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, TP, Hà Nội.

Điện thoại: 0914888185.

Email: ktnn407@gmail.com hoặc nguyenson.imh@gmail.com.

Phần I: DIỄN BIẾN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG 9 NĂM 2024

1. Diễn biến điều kiện khí tượng và thời tiết bất lợi

a) Diễn biến điều kiện khí tượng

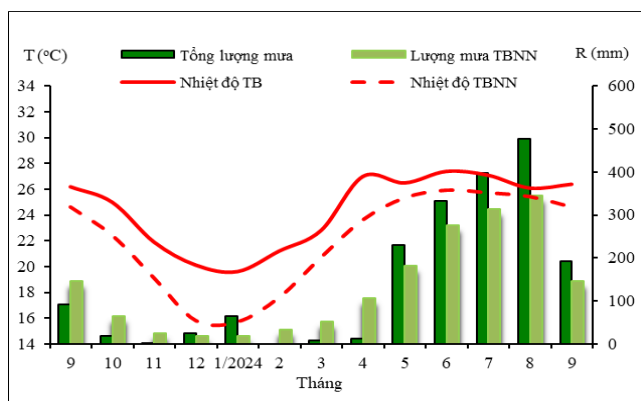
- **Nhiệt độ trung bình (NĐTĐB):** NĐTĐB tháng 9/2024 phổ biến cao hơn TBNN từ 0,4 đến 2,3°C (Hình 1) và thấp hơn tháng 9/2023 từ 0,1 đến trên 1,1°C ngoại trừ một số khu vực ở BTB và khu vực DHNTB thấp hơn tháng 09/2023 từ 0,1 – 1,1°C (Bảng 1).
- **Tổng lượng mưa (TLM):** TLM tháng 9/2024 hầu hết các khu vực trên phạm vi cả nước đều phổ biến cao hơn TBNN từ 104-1221mm; và phổ biến ở mức xấp xỉ tới cao hơn tháng 09/2023 từ 59-1362mm (Hình 1), (Bảng 1).
- **Tổng số giờ nắng (SGN):** SGN tháng 9/2024 cao hơn TBNN từ 7 đến 40 giờ ở khu vực TDMNBB; và thấp hơn TBNN từ 44 – 127 giờ tại khu vực TDMNBB, ĐBBB, BTB, DHNTB, TN và Nam Bộ; và phổ biến thấp hơn tháng 09/2024 từ 45-115 giờ.
- **Độ ẩm:** Độ ẩm tháng 9/2024 phổ biến xấp xỉ hoặc thấp hơn TBNN trên phạm vi cả nước từ 2-81% ngoại trừ một số khu vực TDMNBB, ĐBBB và BTB cao hơn TBNN từ 0-5%.

b) Cực đoan khí hậu và thời tiết bất lợi đến sản xuất nông nghiệp trong tháng 9/2024:

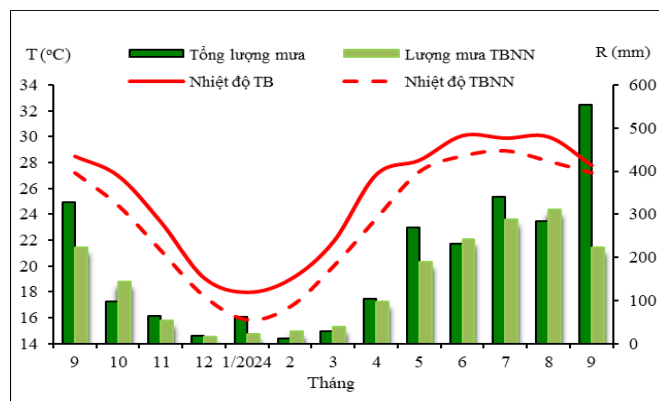
- **Nhiệt độ cao:** Trong tháng 9/2024, nhiệt độ tối cao tuyệt đối (TCTĐ) tại các vùng sinh thái nông nghiệp đều xấp xỉ tới cao hơn TBNN và tháng 9/2023 (Bảng 1).
- **Nắng nóng:** Nắng nóng ít xảy ra hơn, chỉ còn xảy ra tại một số khu vực thuộc DHNTB từ 4-9 ngày (Hình 2).
- **Khô hạn:** Theo chỉ số hạn nông nghiệp trên phạm vi cả nước không xảy ra tình trạng khô hạn và thiếu nước (Hình 4).
- **Mưa lớn:** Lượng mưa một ngày lớn nhất trong tháng (Rx1day) phổ biến khoảng 40-200mm tại khu vực DHNTB, TN và Nam Bộ; Khu vực Bắc Bộ và BTB lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 200-300mm, khu vực trạm Bắc Quang quan trắc được lượng mưa ngày lớn nhất đạt 654mm xảy ra vào ngày 9/9 (Hình 3).
- **Lũ Quét, sạt lở đất:** Có 04 trận lũ quét và sạt lở đất nghiêm trọng trong tháng 09/2024 cụ thể: ngày 9/9 tại xã Ca Thành, Nguyên Bình, Cao Bằng; ngày 10/9 thôn Làng Nủ, xã Phúc Khánh, Bảo Yên, Lào Cai; 22/9 huyện Mường Lát (Thanh Hóa); 29/9 huyện Bắc Quang (Hà Giang);.
- **Đông, lốc:** Xảy ra trên phạm vi cả nước phổ biến từ 5 – 18 ngày có đông, cao nhất là 20 ngày tại A Lưới.

Bảng 1. Đặc trưng các yếu tố khí hậu trong tháng 9/2023 và tháng 9/2024 tại các vùng sinh thái nông nghiệp

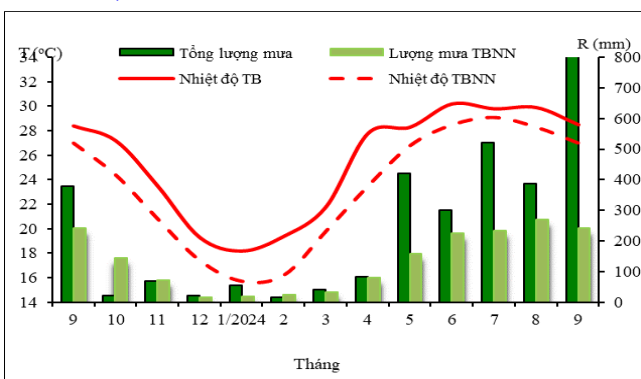
Đặc trưng khí hậu		TDMNPB	ĐBSH	BTB	DHNTB	TN	ĐNB	ĐBSCL
NĐTB (°C)	9/2024	20,0 ÷ 28,7	27,7 ÷ 29,2	24,6 ÷ 28,5	27,2 ÷ 30,2	18,2 ÷ 27,7	25,9 ÷ 28,4	27,4 ÷ 28,6
	9/2023	19,7 ÷ 28,5	27,9 ÷ 29,1	24,3 ÷ 28,3	27,4 ÷ 29,9	19,4 ÷ 27,3	26,2 ÷ 28,2	27,2 ÷ 28,6
TCTĐ (°C)	9/2024	39,7	38,3	38,0	38,6	35,4	36,5	35,2
	9/2023	39,5	37,4	38,0	37,6	34,0	35,6	34,7
TTTĐ (°C)	9/2024	15,4	21,7	20,3	22,9	14,8	22,0	22,8
	9/2023	15,2	23,0	19,5	22,1	15,6	22,5	23,0
TLM (mm)	9/2024	166 ÷ 1646	458 ÷ 896	331 ÷ 883	95 ÷ 807	148 ÷ 487	245 ÷ 862	131 ÷ 479
	9/2023	54 ÷ 506	211 ÷ 600	329 ÷ 689	36 ÷ 457	162 ÷ 590	241 ÷ 757	215 ÷ 660
SNM (ngày)	9/2024	5 ÷ 22	15 ÷ 23	13 ÷ 26	11 ÷ 23	16 ÷ 30	21 ÷ 28	20 ÷ 25
	9/2023	10 ÷ 25	14 ÷ 19	13 ÷ 25	10 ÷ 23	20 ÷ 29	19 ÷ 29	17 ÷ 26
SGN (giờ)	9/2024	80 ÷ 206	91 ÷ 139	96 ÷ 160	147 ÷ 209	66 ÷ 181	85 ÷ 160	85 ÷ 163
	9/2023	102 ÷ 234	91 ÷ 150	96 ÷ 180	150 ÷ 236	69 ÷ 186	132 ÷ 238	88 ÷ 237
Độ ẩm (%)	9/2024	11 ÷ 89	79 ÷ 89	6 ÷ 90	74 ÷ 90	82 ÷ 92	81 ÷ 90	83 ÷ 90
	9/2023	72 ÷ 89	78 ÷ 88	82 ÷ 90	73 ÷ 88	79 ÷ 91	75 ÷ 92	77 ÷ 90



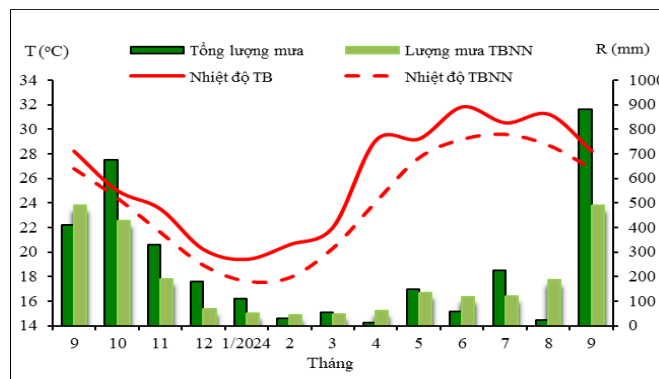
a) Trạm Điện Biên, tỉnh Điện Biên



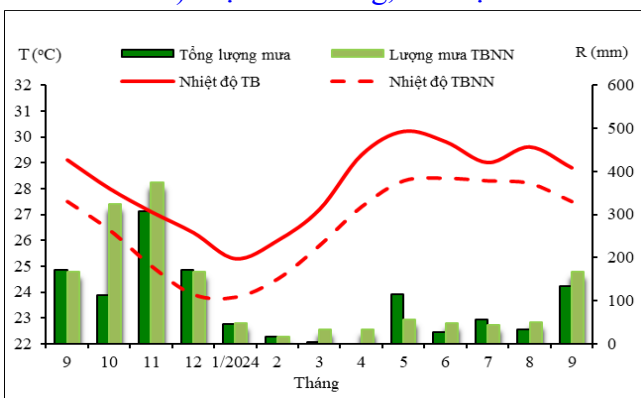
b) Trạm Việt Trì, tỉnh Phú Thọ



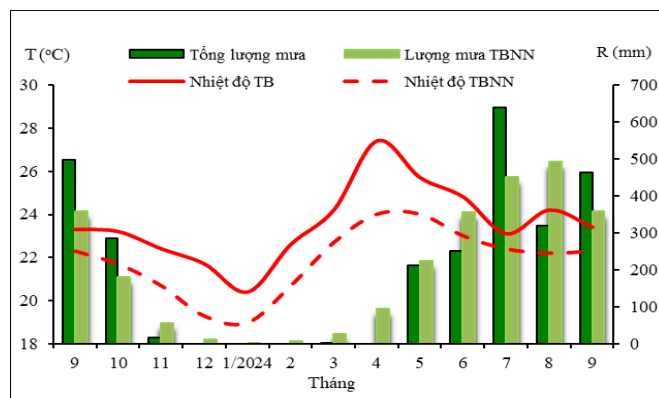
c) Trạm Hà Đông, Hà Nội



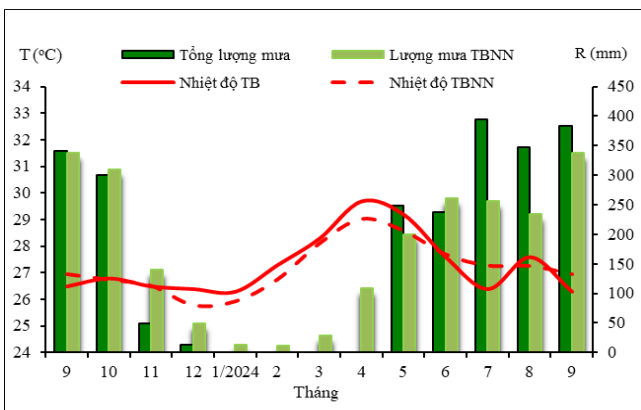
d) Trạm Vinh, tỉnh Nghệ An



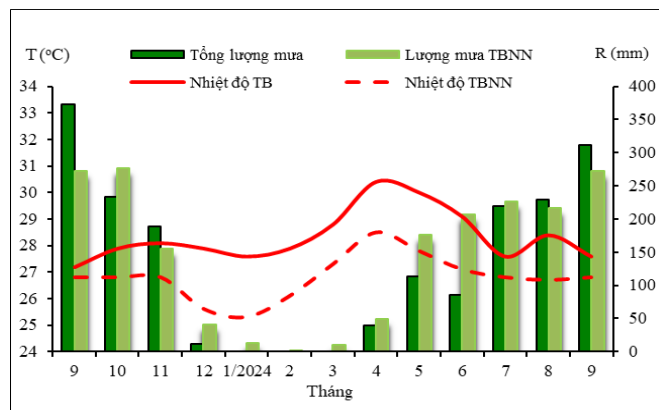
e) Trạm Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa



f) Trạm Pleiku, tỉnh Gia Lai

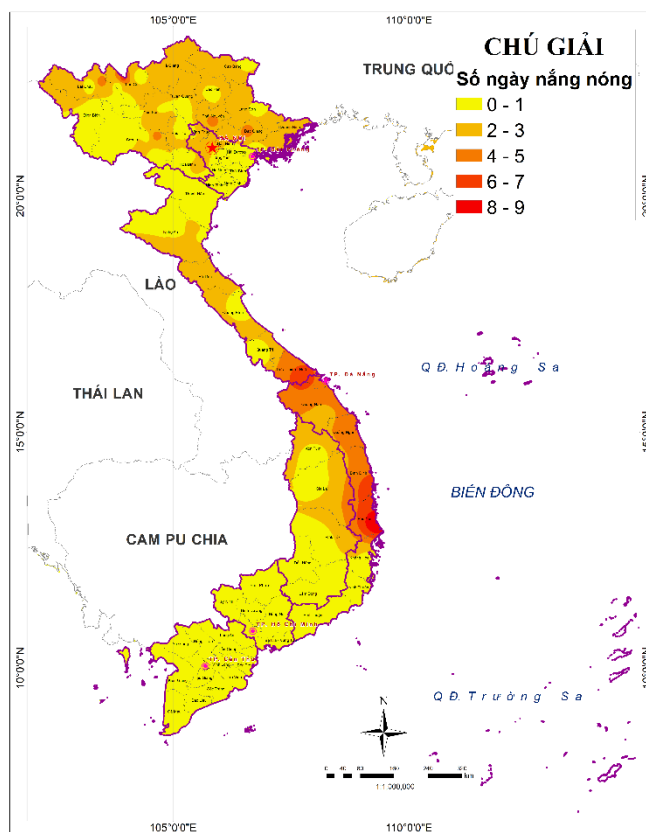


h) Trạm Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

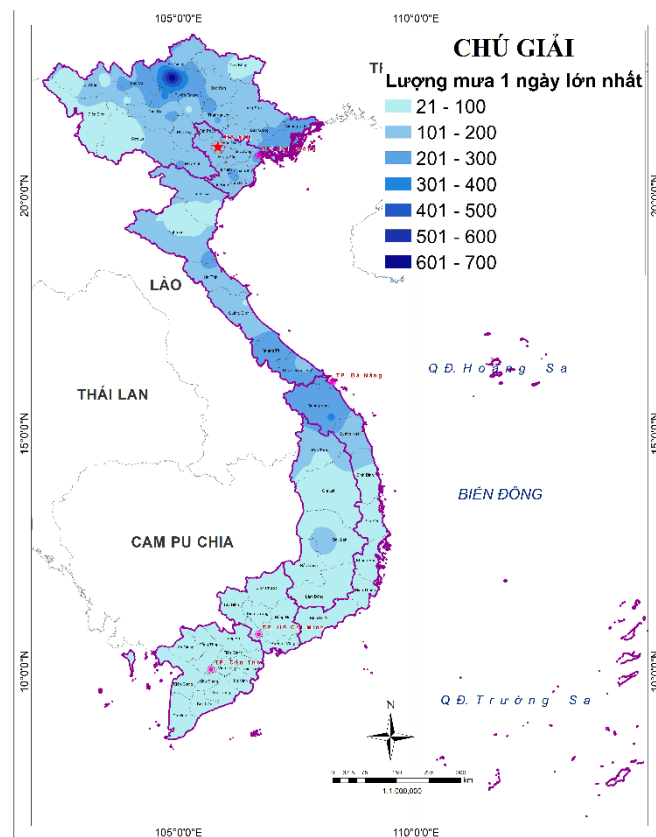


i) Trạm Cần Thơ, TP. Cần Thơ

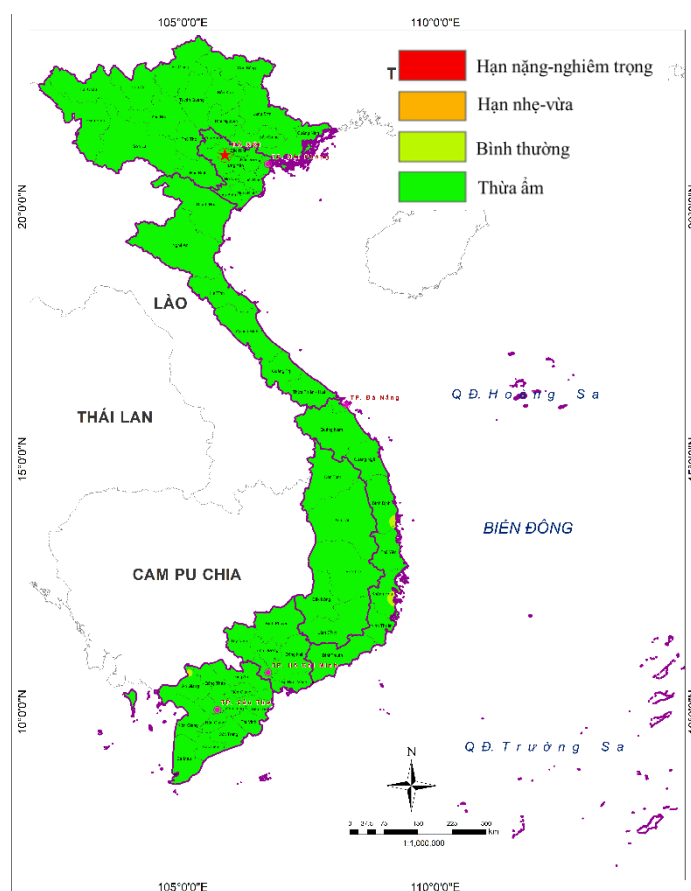
Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng từ tháng 9/2023 đến tháng 9/2024 tại một số trạm khí tượng tiêu biểu cho các vùng sinh thái nông nghiệp



Hình 2. Phân bố số ngày nắng nóng (SGN) trong tháng 9/2024 (ngày)



Hình 3. Phân bố lượng mưa một ngày lớn nhất (Rx1day) tháng 9/2024 (mm)



Hình 4. Phân bố điều kiện khô hạn/ẩm ướt theo chỉ số hạn hạn nông nghiệp trung bình tháng 9/2024

1.2. Diễn biến sinh trưởng một số cây trồng chính và tình hình sâu bệnh hại

a. Tình hình sinh trưởng của một số cây trồng chính

Trong tháng 9, diễn biến sinh trưởng của một số loại cây trồng chính như sau:

Bảng 2. Hiện trạng giai đoạn sinh trưởng của một số loại cây trồng

Vùng sinh thái nông nghiệp	Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng
Trung du và miền núi phía Bắc	Lúa	Đỏ đuôi- Chín, Thu hoạch
	Ngô	Phát triển bắp – Thu hoạch
Đồng bằng sông Hồng	Lúa	Đỏ đuôi- Chín, Thu hoạch
Bắc Trung Bộ	Lúa	Chín - Thu hoạch
	Lạc	PT củ - Thu hoạch
Duyên hải Nam Trung Bộ	Lúa	Thu hoạch xong
	Thanh long	Chăm sóc - Thu hoạch
Tây Nguyên	Lúa	Chắc xanh- Chín
	Cà phê	Nuôi quả - Chắc quả
Đông Nam Bộ	Lúa	Thu hoạch xong
	Thanh long	Chăm sóc - phát triển thân, lá
Đồng bằng sông Cửu Long	Lúa	Thu hoạch xong

(Nguồn: Cục Bảo vệ Thực vật, 10/2024)

b. Diễn biến tình hình sâu bệnh hại

- **Cây lúa:** *Sâu cuốn lá* nhỏ xuất hiện trên diện tích khoảng 21.605 ha; chủ yếu tại các tỉnh: Nam Định, Quảng Ninh, Ninh Bình, Gia Lai, Bình Thuận, An Giang, Sóc Trăng, Tây Ninh, Hậu Giang, Đồng Tháp, Bạc Liêu...; *Bệnh đen lép hạt* xuất hiện trên diện tích khoảng 10.050 ha phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Lai Châu, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Khánh Hòa, Bình Thuận, Quảng Ngãi, Ninh Thuận, Lâm Đồng, Bình Định, Quảng Nam, Đắk Lắk, Đồng Tháp, Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Long An, Đồng Nai...; *Bệnh bạc lá* xuất hiện trên diện tích khoảng 13.154 ha phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Nam Định, Bắc Giang, Điện Biên, Kiên Giang, Vĩnh Long, Hậu Giang, Cần Thơ, Sóc Trăng, An Giang...;
- **Ngô:** Sâu keo mùa thu xuất hiện trên diện tích khoảng 241 ha phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Nam Định, Hải Dương, Hà Nội, Nghệ An, Hà Tĩnh, Lâm Đồng, Phú Yên, Bình Thuận, Đồng Nai, ...;
- **Thanh long:** Bệnh đốm nâu xuất hiện trên diện tích khoảng 4.727 ha; phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bình Thuận, Tiền Giang, Long An, Trà Vinh, Bà Rịa -Vũng Tàu;
- **Cà phê:** Bệnh khô cành xuất hiện trên diện tích khoảng 6.381 ha; phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước...; Bệnh gỉ sắt xuất hiện trên diện tích khoảng 5.665 ha; phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Bình Phước, Đồng Nai.

(Nguồn: Cục Bảo vệ Thực vật, 9/2024)

1.3. Tác động của điều kiện khí tượng đến trồng trọt và chăn nuôi

a. Tác động đến cây trồng

Tác động do khô hạn:

- Theo kết quả giám sát chỉ số căng thẳng nước (ASI), Trong tuần 1, tháng 9, một số khu vực Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương có khoảng 25-80% thời gian cây trồng thiếu hụt nước; sang tuần thứ 2 một số khu vực Bắc Ninh, Hưng Yên, Hà Nội, Đắk Lắk, có khoảng 20-80% thời gian cây trồng thiếu hụt nước; sang tuần 3 khu vực ĐBSH; Đắk Lắk, Gia Lai, ĐNB có khoảng 25-70% thời gian cây trồng thiếu hụt nước (Hình 5).
- Đối với cây lúa: Lượng mưa trong tháng 9 đều đáp ứng nhu cầu nước cho cây lúa tại 2 khu vực ĐBSH và ĐBSCL (Bảng 3).

Tác động của Bão/ATNĐ:

- Con bão số 3 (Yagi) đổ bộ vào các tỉnh Miền Bắc đã làm 200.248 ha lúa bị ngập úng, thiệt hại (Hải Phòng 25.561ha; Nam Định 18.102ha; Bắc Giang 18.779ha; Thái Bình 6.000ha; Hà Nội 36.679ha; Hải Dương 7.755ha; Hà Nam 11.284ha; Bắc Ninh 9.758ha; Vĩnh Phúc 9.830ha, Hưng Yên 11.831ha, Phú Thọ 4.703ha,...); 50.612ha hoa màu bị ngập úng, thiệt hại (Hoà Bình 2.920ha; Hải Phòng 3.305ha; Hà Nội 11.678ha; Nam Định 3.800ha; Thái Bình 3.345ha; Hải Dương 3.202ha; Lạng Sơn 2.669ha, Vĩnh Phúc 2.296ha, Tuyên Quang 2.501ha, Hưng Yên 2.727ha, Lào Cai 2.595ha,...); 38.104ha cây ăn quả bị hư hại (Bắc Giang 6.669ha; Hải Dương 4.372ha; Hà Nội 9.087ha; Hưng Yên 2.953ha; Hải Phòng 2.130ha; Thái Bình 1.385ha,...); 3.763 lồng bè nuôi trồng thủy sản bị hư hỏng, cuốn trôi (Quảng Ninh 2.637, Hải Dương 434,...); 2.514 con gia súc, 3.024.142 con gia cầm bị chết (Hải Phòng 1.036.238; Hà Nội 321.390; Hải Dương 388.605; Thái Nguyên 280.625; Quảng Ninh 345.217, Yên Bái: 346.257,...)

Tác động của dông lốc, mưa lớn:

- Đợt mưa lớn từ ngày 19-20/09 trên địa bàn các tỉnh Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Thái Bình, Lạng Sơn 22.047 ha hoa màu bị ngập úng, thiệt hại (tập trung tại Hải Phòng 1.600ha; Nam Định 2.500ha; Thái Bình 3.345ha; Hà Nội 1.205ha; Bắc Ninh 2.293ha; Hải Dương 2.900ha; Hoà Bình 4.193ha, Lạng Sơn 1.136ha); 6.887 ha cây ăn quả bị hư hại (tập trung tại Hải Phòng 1.650ha; Thái Bình 1.385ha, Hưng Yên 1.841ha, Hải Dương 900ha, Nghệ An 798ha...);
- Đợt mưa lớn từ ngày 22-25/9 gây thiệt hại 79 con gia súc, 190.131 con gia cầm (tập trung ở Hải Dương 186.000 gia cầm), trên 1.500 lồng bè nuôi trồng thủy sản bị hư hỏng, cuốn trôi (tập trung Quảng Ninh 1.000 bè, Hải Dương 300 bè,...)

Tác động đến sâu dịch bệnh:

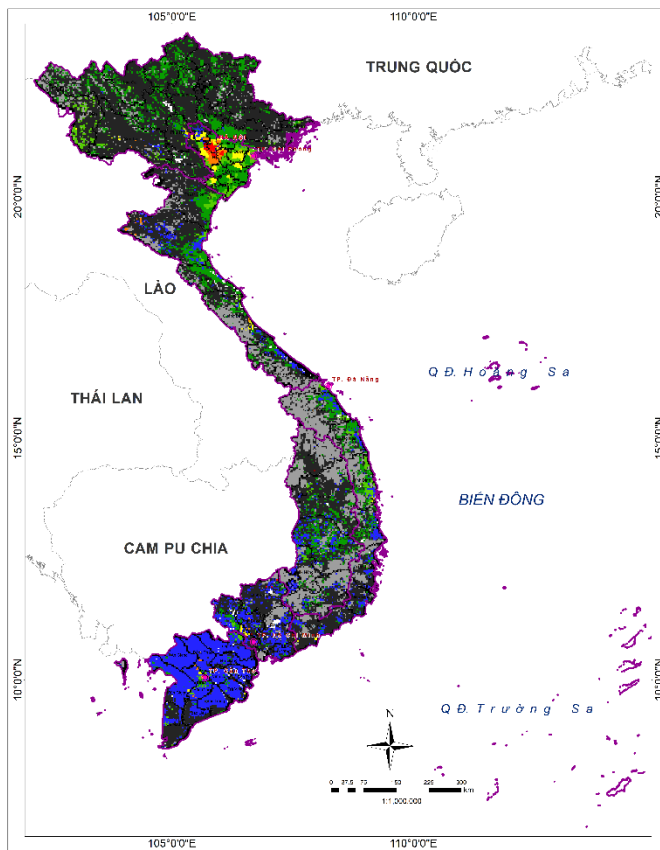
- Nền nhiệt độ cao và độ ẩm không khí về đêm lớn đã tạo điều kiện thuận lợi cho các loại sâu dịch bệnh phát triển, đặc biệt, bệnh rầy hại lúa và sâu cuốn lá nhỏ trên lúa ở khu vực phía Nam.

b. Tác động đến chăn nuôi

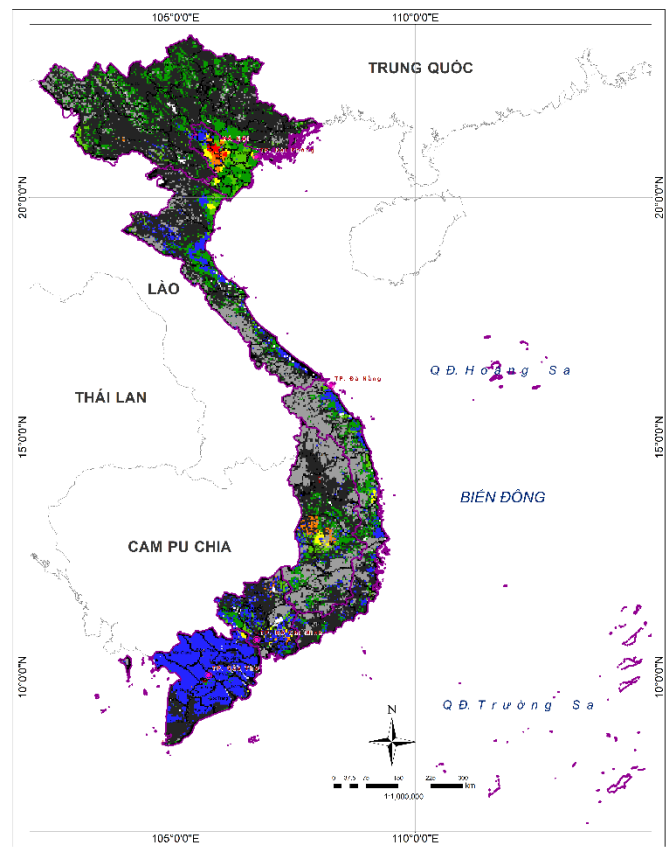
- Kết quả tính toán chỉ số THI (Hình 6) cho thấy, điều kiện nhiệt ẩm tác động đến khả năng hô hấp và tiêu thụ thức ăn, tăng nhịp tim của gia súc và gia cầm trên phạm vi cả nước ngoại trừ khu vực Đắk Nông, Lâm Đồng (Tây Nguyên)

Bảng 3. Mức độ thiếu (-)/thừa (+) nước đối với cây lúa trong tháng 9/2024

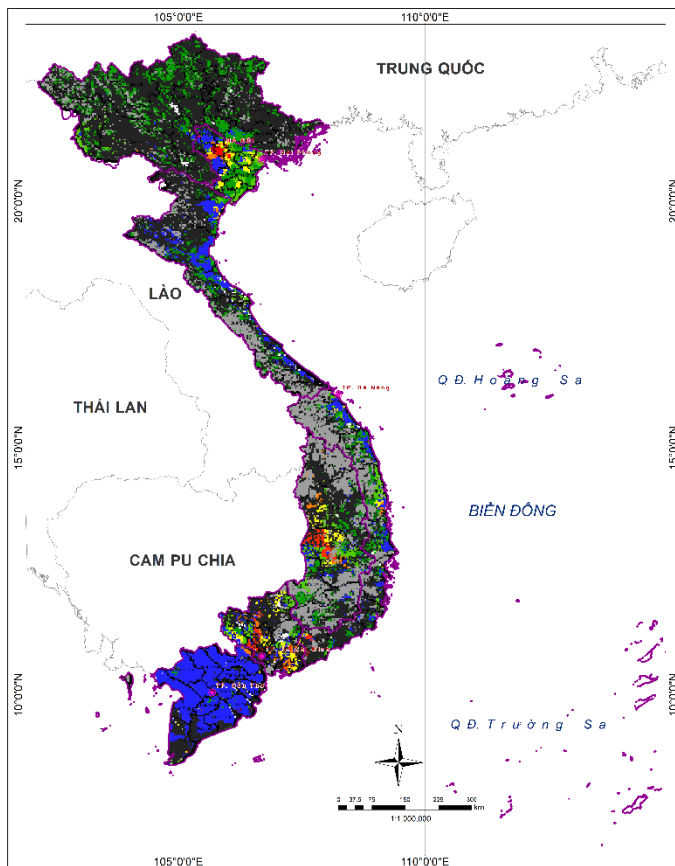
Vùng	Điểm/trạm	Nhu cầu nước của cây lúa trong tháng 8/2024 (mm)	Lượng mưa thực tế trong tháng 8/2024 (mm)	Thiếu (-)/thừa (+) nước so với nhu cầu trong tháng 8/2024 (mm)
Đồng bằng sông Hồng	Sơn Tây	149	682	+ 533
	Hà Đông	146	884	+ 738
	Hải Dương	149	458	+ 309
	Hung Yên	146	649	+ 503
	Nam Định	146	896	+ 750
	Văn Lý	156	719	+ 563
	Nho Quan	144	720	+ 576
	Ninh Bình	146	615	+ 469
	Thái Bình	146	781	+ 635
Đồng bằng sông Cửu Long	Mộc Hoá	117	261	+ 144
	Mỹ Tho	110	407	+ 297
	Cao Lãnh	111	417	+ 306
	Càng Long	105	264	+ 159
	Châu Đốc	114	131	+ 17
	Cần Thơ	108	311	+ 203
	Sóc Trăng	102	358	+ 256
	Rạch Giá	111	466	+ 355
	Bạc Liêu	101	355	+ 254
	Cà Mau	100	479	+ 379



Tuần 1



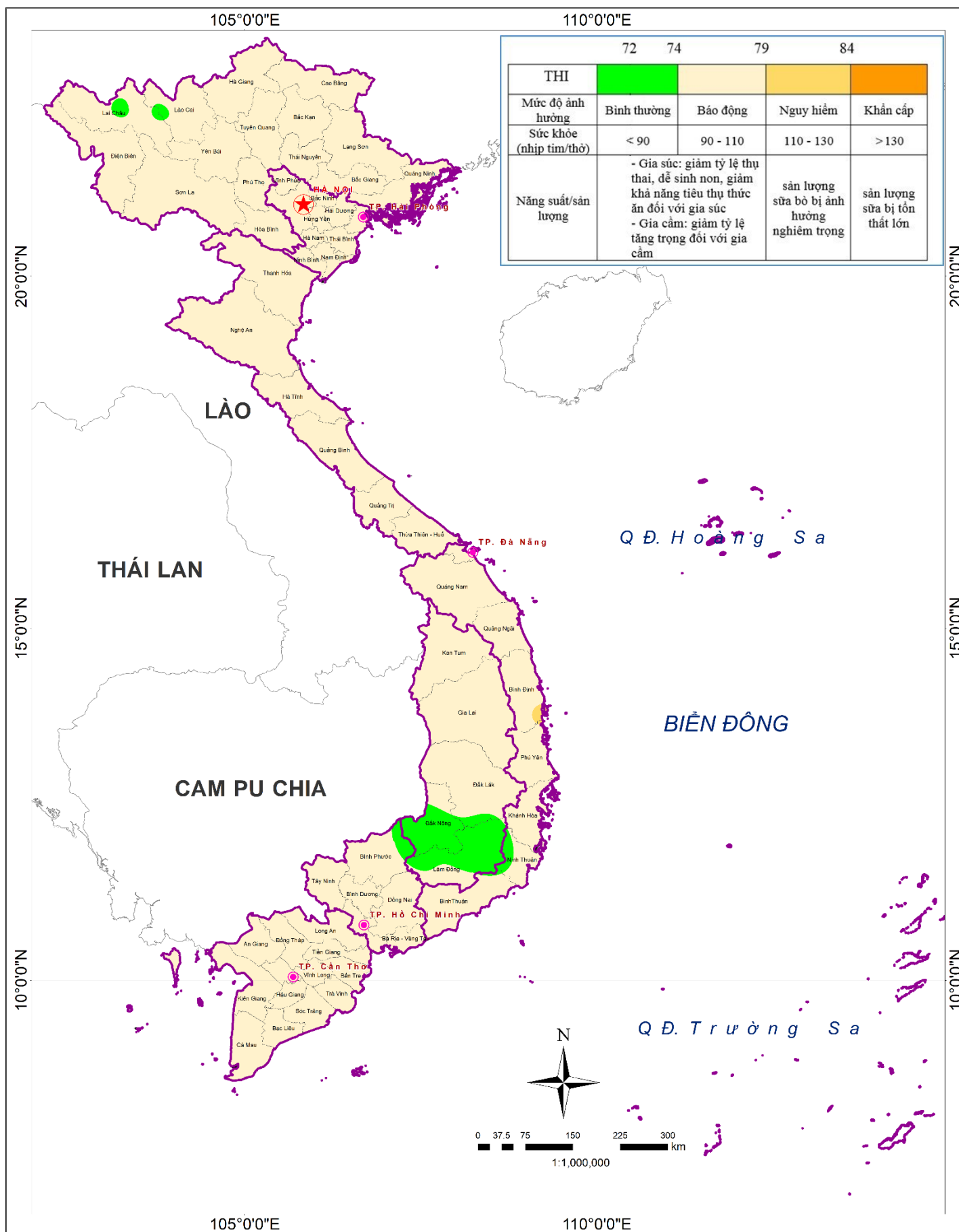
Tuần 2



Tuần 3



Hình 5. Tỷ lệ thời gian cây trồng bị ảnh hưởng do thiếu hụt nước trong tháng 9/2024 tính toán theo chỉ số ASI (Nguồn: FAO)



Hình 6. Chỉ số nhiệt-ẩm (THI)³ trung bình tháng 9/2024

Phần II: DỰ BÁO KHÍ HẬU NÔNG NGHIỆP TỪ THÁNG 10 ĐẾN THÁNG 12 NĂM 2024

2.1. Tóm tắt dự báo khí hậu từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2024

- **Hoạt động của ENSO:** Hiện tại, điều kiện khí quyển và đại dương đang có xu thế chuyển sang trạng thái La Niña. Dự báo ENSO có khả năng chuyển sang trạng thái La Niña trong mùa ba tháng X-XII với xác suất khoảng 70-80%..
- **Gió mùa:** Gió mùa mùa đông (GMMĐ) có khả năng bắt đầu ở mức xấp xỉ đến muộn hơn so với TBNN. Cường độ GMMĐ có khả năng thấp hơn đến xấp xỉ TBNN ở các tháng X-XII/2024 và xấp xỉ đến mạnh hơn TBNN trong các tháng I-III/2025. Có khả năng xuất hiện rét đậm, rét hại kéo dài trong các tháng chính đông.
- **Nhiệt độ:** Trong mùa 3 tháng X-XII/2024, nhiệt độ xấp xỉ đến cao hơn giá trị TBNN cùng thời kỳ trên hầu hết cả nước.
- **Lượng mưa:** Trong mùa 3 tháng tháng X-XII/2024, tổng lượng mưa (TLM) có khả năng xấp xỉ TBNN ở Bắc Bộ, cao hơn TBNN ở Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ. Đề phòng các đợt mưa lớn xảy ra gây lũ, ngập lụt nghiêm trọng cho khu vực Trung Bộ. Mùa mưa trên khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ có khả năng kết thúc muộn hơn TBNN.
- **Bão và xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ):**
Trong mùa ba tháng X-XII/2024, số lượng XTND hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam xấp xỉ đến cao hơn TBNN (TBNN: 4-5 cơn hoạt động trên khu vực Biển Đông; 2-3 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam)
- **Điều kiện khô hạn:**
Khả năng xuất hiện các đợt mưa trái mùa làm giảm bớt điều kiện khô hạn tại khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ trong mùa khô 2024/2025

2.2. Rủi ro của khí hậu đến trồng trọt và chăn nuôi

a. Tác động đến cây trồng

- **Khô hạn và thiếu nước:** Tháng 10, tình hình thiếu nước và khô hạn ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp xảy ra tại khu vực thuộc Tây Bắc (Sơn La, Điện Biên), Sang tháng 11 tình hình khô hạn xảy ra tại khu vực Tây Bắc (Điện Biên, Yên Bái, Sơn La) và khu vực Đông Bắc (Cao bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang, Quảng Ninh); Khu vực ĐBSH (Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hải Phòng). Sang Tháng 12 tình hình khô hạn xảy ra trên phạm vi cả nước, ngoại trừ khu vực DHNTB và TN không hạn, khu vực BTB hạn nghiêm trọng. (Hình 7).
- **Ngập úng, mưa lớn:** Trong mùa 3 tháng X-XII/2024 các đợt mưa lớn xảy ra gây lũ, ngập lụt nghiêm trọng cho khu vực Trung Bộ ảnh hưởng tới diện tích lúa đang trong giai đoạn chín- Thu hoạch

- **Sâu bệnh hại:** Điều kiện thời tiết mùa từ tháng 10-tháng 12 thuận lợi cho một số sâu bệnh hại phát triển như:
 - Cây lúa: (i) Bắc Bộ: rầy nâu – rầy lưng trắng, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân 2 chấm, bệnh khô vằn, bệnh bạc lá – đốm sọc; (ii) Bắc Trung Bộ: Rầy các loại, bệnh khô vằn, bệnh bạc lá, đen lép hạt, chuột; (iii) DHNTB và TN: Sâu đục thân, bệnh đạo ôn cổ lá, bệnh khô vằn, bệnh đen lép thối hạt, Bọ trĩ, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân, bệnh đạo ôn lá (iv) Nam Bộ: Rầy nâu, bệnh đạo ôn, bệnh bạc lá, bệnh đen lép hạt.
 - Cây ngô: Sâu keo mùa thu, bệnh đốm lá, bệnh khô vằn, chuột
 - Cây Thanh long: Bệnh đốm nâu, bệnh thán thư, rệp sáp
 - Cà phê: Bọ xít muỗi, rệp sáp, rệp vảy, mọt đục thân cành, bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt.
 - Cây hồ tiêu: Bệnh chết nhanh, bệnh chết chậm, tuyến trùng rễ, rệp các loại
 - Cây điều: Bọ xít muỗi, bệnh thán thư, sâu đục thân cành.
 - Cây chè: Rầy xanh, bọ xít muỗi, bọ cánh tơ, nhện đỏ, bệnh thối búp.
 - Cây ăn quả có múi: Bệnh vàng lá thối rễ, bệnh thán thư, ruồi đục quả, nhện đỏ.
 - Cây nhãn, vải: Sâu đo, bọ xít nâu, nhện lông nhung, sâu đục cuống quả, bệnh sương mai, bệnh thán thư.

b. Tác động do thừa (+)/thiếu(-) nước đối với sinh trưởng của cây lúa vùng ĐBSH và ĐBSCL

- Khu vực ĐBSH: Tháng 10/2024 Lượng mưa đáp ứng được nhu cầu nước của cây lúa, khu vực trạm Văn Lý (Nam Định), Nho Quan, Ninh Bình (Ninh Bình) dư thừa nước, cần đề phòng ngập úng. Sang tháng 11 lượng mưa không đáp ứng được nhu cầu nước của cây lúa ([Bảng 4](#)).
- Khu vực ĐBSCL: Tháng 11/2024 Lượng mưa đáp ứng được nhu cầu nước của cây lúa, sang tháng 12 lượng mưa thiếu hụt nghiêm trọng so với nhu cầu nước của cây lúa ([Bảng 4](#))

c. Nhận định mức độ thuận lợi/bất lợi về mặt khí hậu nông nghiệp đến sinh trưởng cây trồng

Tháng 10-tháng 12/2024, điều kiện khí hậu nông nghiệp không thực sự thuận lợi cho cây trồng ở các vùng sinh thái nông nghiệp. Điều kiện khí hậu bất lợi xảy ra chủ yếu liên quan đến tình trạng khô hạn, không đáp ứng được nhu cầu nước của cây trồng tại khu vực Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Nam Bộ, các đợt mưa lớn xảy ra gây lũ, ngập lụt nghiêm trọng cho khu vực Trung Bộ ([Bảng 5](#)).

d. Tác động đến vật nuôi:

Các tỉnh phía Bắc: từ tháng giữa tháng 11 đến tháng 12/2024 các địa phương vùng núi phía Bắc chịu ảnh hưởng do tác động của rét đậm, rét hại ([Hình 8](#)).

Các tỉnh Miền Trung và Nam Bộ: Tháng 10-12/2024 có nền nhiệt và độ ẩm không khí gây ảnh hưởng tới khả năng tiêu thụ thức ăn của gia súc, gia cầm ở mức nhẹ ([Hình 9](#)).

Thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp, số tháng 10/2024

Bảng 4. Khả năng đáp ứng nhu cầu nước đối với cây lúa từ lượng mưa trong mùa tháng 10 - tháng 12/2024

Vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Thừa (+)/thiếu (-) nước (mm) tháng 10/2024 (m ³ /ha)	Thừa (+)/thiếu (-) nước (mm) tháng 11/2024 (m ³ /ha)	Thừa (+)/thiếu (-) nước (mm) tháng 12/2024 (m ³ /ha)	Khuyến cáo
Đồng bằng sông Hồng	Sơn Tây	367	-44	Trống vù	Tháng 11: Thiếu ẩm
	Hà Đông	598	178		Đủ ẩm
	Hải Dương	-18	-193		Tháng 10; 11: Thiếu ẩm
	Hưng Yên	465	39		Đủ ẩm
	Nam Định	768	-54		Tháng 11: Thiếu ẩm
	Văn Lý	1006	4		Tháng 10: Quá dư thừa nước
	Nho Quan	935	47		Tháng 10: Quá dư thừa nước
	Ninh Bình	958	-39		Tháng 10: Quá dư thừa nước Tháng 11: Thiếu ẩm
	Thái Bình	782	-29		Tháng 11: Thiếu ẩm
Đồng bằng sông Cửu Long	Mộc Hóa	Trống vù	660	-1070	Tháng 12: Thiếu ẩm nghiêm trọng
	Mỹ Tho		-70	-900	Tháng 11: Thiếu ẩm Tháng 12: Thiếu ẩm nghiêm trọng
	Cao Lãnh		440	-970	Tháng 12: Thiếu ẩm nghiêm trọng
	Càng Long		220	-940	Tháng 12: Thiếu ẩm nghiêm trọng
	Châu Đốc		390	-1060	Tháng 12: Thiếu ẩm nghiêm trọng
	Cần Thơ		320	-1020	Tháng 12: Thiếu ẩm nghiêm trọng
	Sóc Trăng		350	-950	Tháng 12: Thiếu ẩm nghiêm trọng
	Rạch Giá		720	-1070	Tháng 12: Thiếu ẩm nghiêm trọng
	Bạc Liêu		760	-960	Tháng 12: Thiếu ẩm nghiêm trọng
	Cà Mau		1010	-980	Tháng 11: Quá dư thừa nước Tháng 12: Thiếu ẩm nghiêm trọng

Bảng 5. Thuận lợi/khó khăn về điều kiện khí hậu nông nghiệp đối với sinh trưởng và phát triển của một số cây trồng chính ở các vùng sinh thái nông nghiệp trong tháng 10 - tháng 12 năm 2024

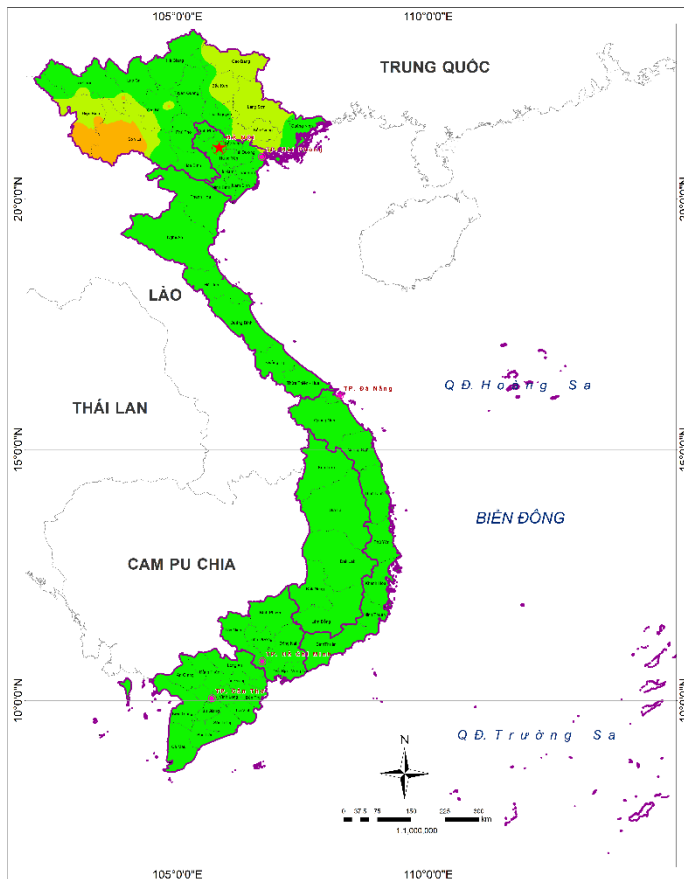
Vùng STNN	Cây trồng	Tháng											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Trung du và miền núi phía Bắc	Lúa										TL	TL	
	Lúa nương										TL		
	Ngô										TL		
Đồng bằng sông Hồng	Lúa										TL	ITL	
Bắc Trung Bộ	Lúa										TL		
	Lạc										ITL		
Duyên hải Nam Trung Bộ	Lúa												TL
	Thanh Long										ITL	ITL	TL
Tây Nguyên	Lúa												TL
	Cà phê										TL	TL	TL
Đông Nam Bộ	Lúa												ITL
	Thanh Long										TL	TL	ITL
Đồng bằng sông Cửu Long	Lúa											TL	ITL

Chú giải:

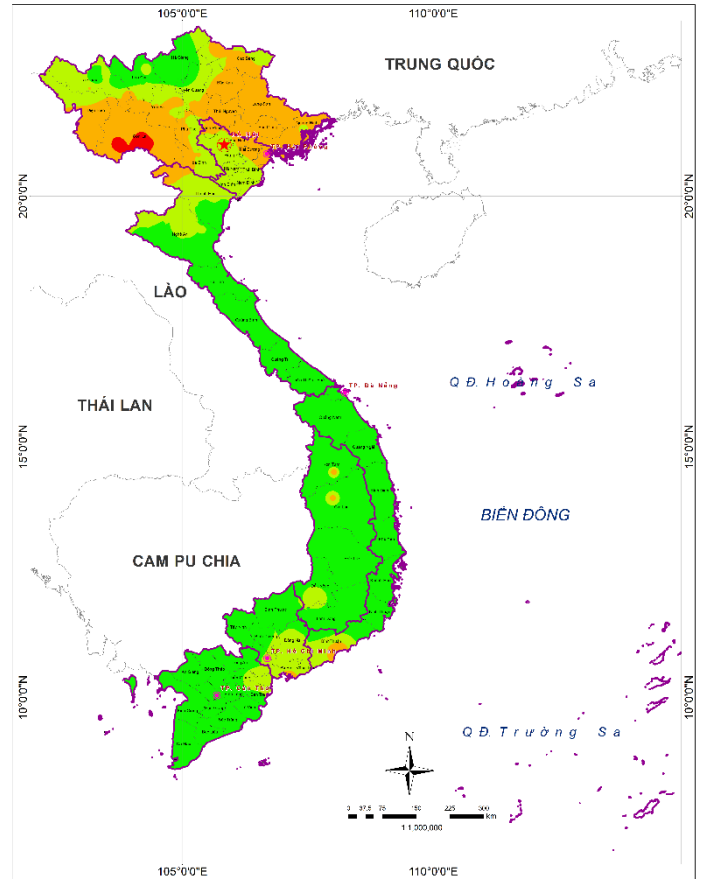
	Thời kỳ không gieo trồng
	Thời kỳ gieo trồng
	Thời kỳ sinh dưỡng
	Thời kỳ sinh thực
	Thời kỳ chín và thu hoạch
	Thời kỳ ra hoa, quả, thu hoạch

TL: Thuận lợi cho SXNN
ITL: Ít thuận lợi cho SXNN

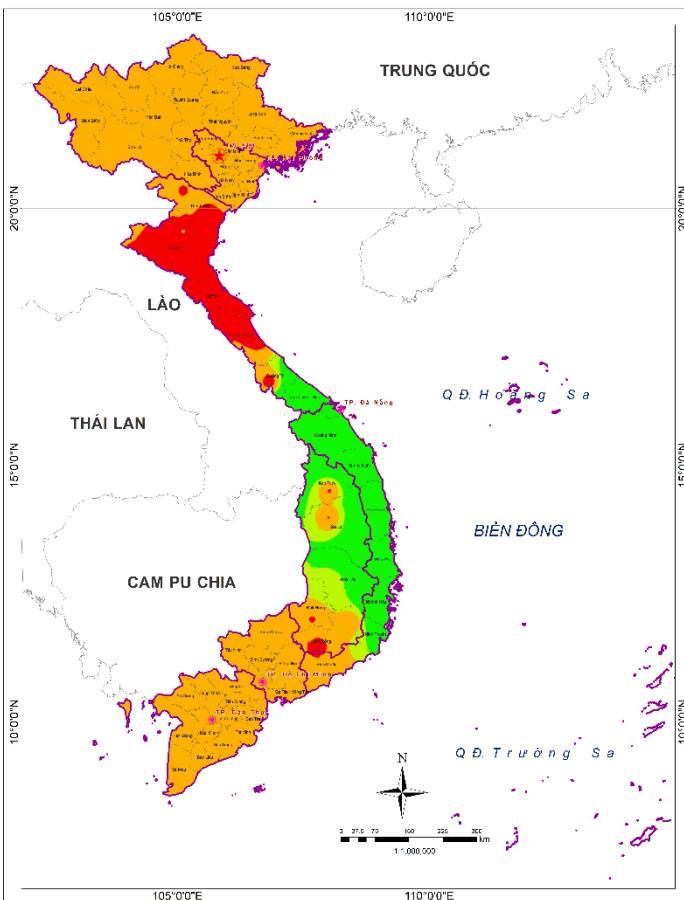
Thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp, số tháng 10/2024



Tháng 10



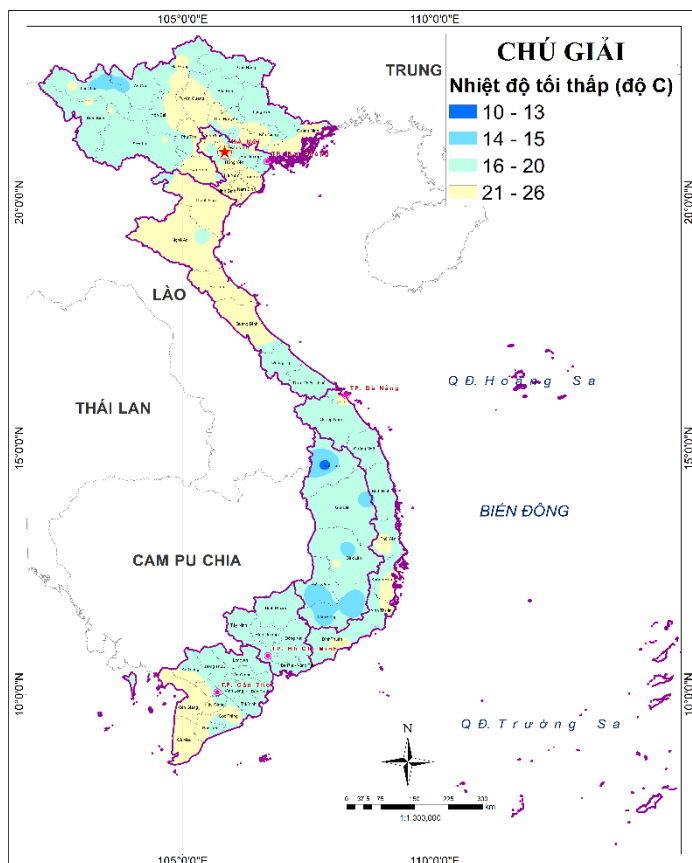
Tháng 11



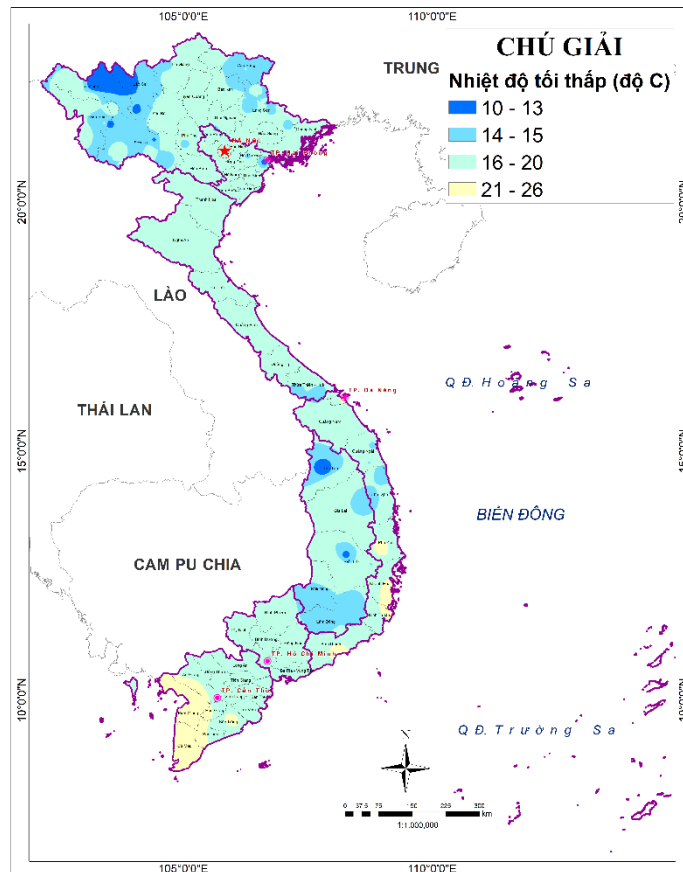
Tháng 12



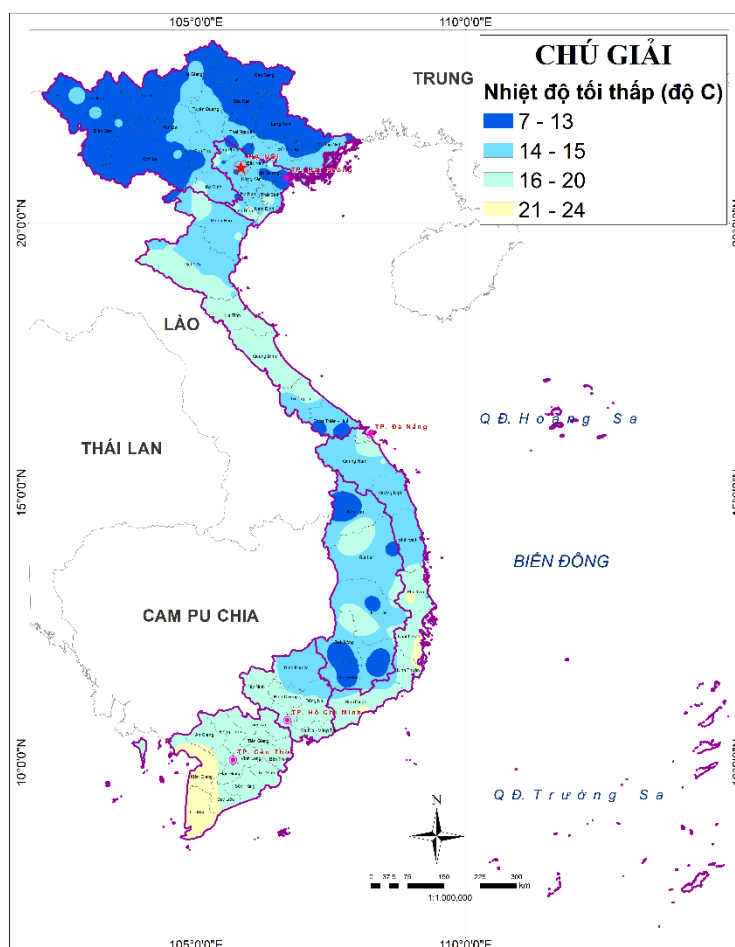
Hình 7. Dự báo nguy cơ khô hạn/thừa ẩm tháng 10-tháng 12/2024



Tháng 10

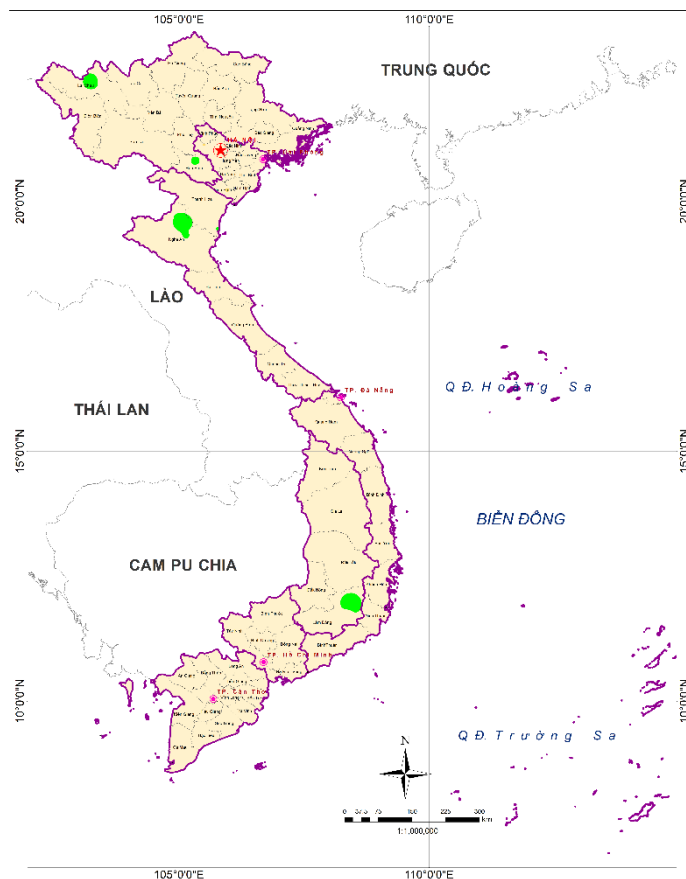


Tháng 11

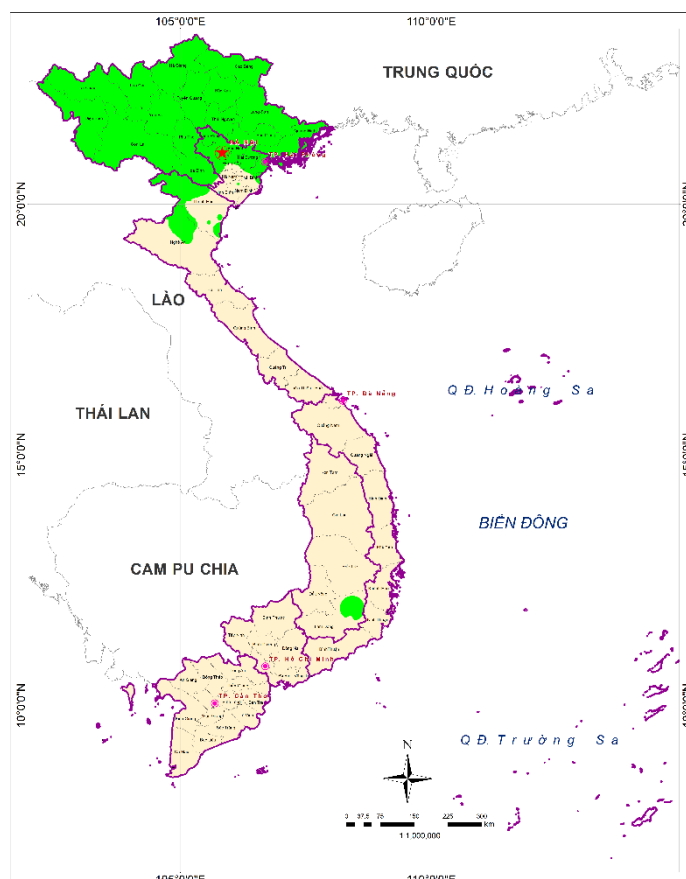


Hình 8. Dự báo nhiệt độ tối thấp tháng 10-tháng 12/2024

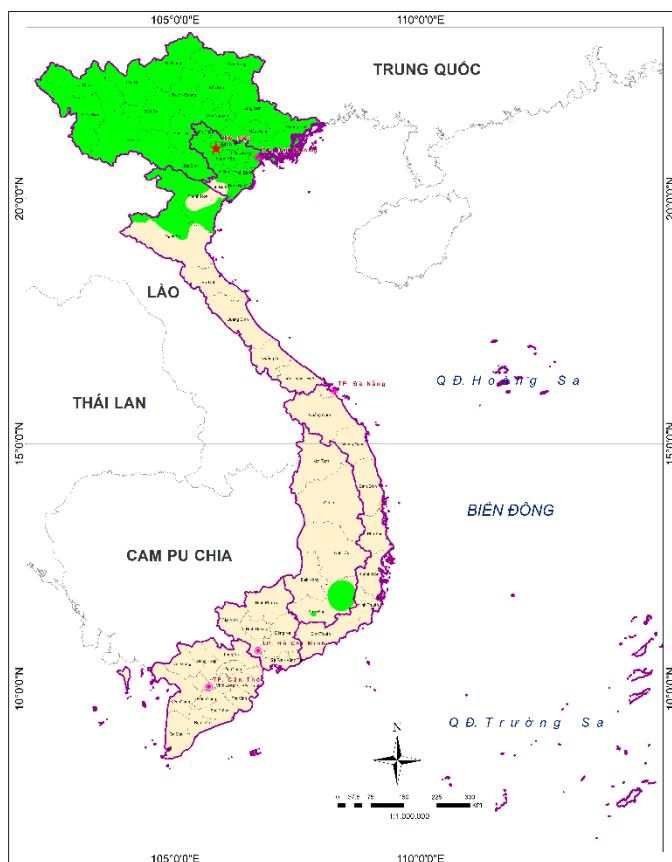
Thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp, số tháng 10/2024



Tháng 10



Tháng 11



Tháng 12

	72	74	79	84
THI				
Mức độ ảnh hưởng	Bình thường	Báo động	Nguy hiểm	Khẩn cấp
Sức khỏe (nhịp tim/thời)	< 90	90 - 110	110 - 130	> 130
Năng suất/sản lượng	- Gia súc: giảm tỷ lệ thụ thai, dễ sinh non, giảm khả năng tiêu thụ thức ăn đối với gia súc - Gia cầm: giảm tỷ lệ tăng trọng đối với gia cầm		sản lượng sữa bò bị ảnh hưởng nghiêm trọng	sản lượng sữa bị tổn thất lớn

Hình 9. Dự báo nguy cơ tác động của nhiệt-ẩm đến sức khỏe và sản lượng của vật nuôi tháng 10-tháng 12/2024

Phần III:

KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP THÁNG 10 ĐẾN THÁNG 12 NĂM 2024

Thời kỳ tháng 10-tháng 12, là giai đoạn chuyển mùa quan trọng, có tác động lớn đến sản xuất nông nghiệp. Do vậy, cần đề phòng các rủi ro tác động của khí hậu đến sản xuất nông nghiệp:

3.1. Rủi ro tác động của khí hậu đến trồng trọt

- Các đợt không khí lạnh mạnh có thể gây hại cho cây trồng tại các tỉnh phía Bắc nếu nhiệt độ giảm sâu và kéo dài, nhất là với những cây trồng không chịu rét tốt.
- Bão/ATNĐ gây mưa lớn, lũ lụt và sạt lở đất, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp các tỉnh Trung Trung Bộ. Các diện tích lúa chín, chuẩn bị thu hoạch có thể bị lũ làm hư hại trước khi thu hoạch
- Nguy cơ xảy ra khô hạn ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp tại các khu vực Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Nam Bộ.

3.2. Rủi ro tác động của khí hậu đến chăn nuôi

- Điều kiện nhiệt - ẩm ảnh hưởng đến đến khả năng tiêu hóa thức ăn, hô hấp và nhịp tim của vật nuôi ở khu vực miền Trung và Nam Bộ.
- Rét đậm, rét hại xảy ra ảnh hưởng tới các địa phương vùng núi phía Bắc vào các tháng chính đông.
- Lũ lụt có thể gây chết, mất nguồn thức ăn và nước uống, cùng với nguy cơ dịch bệnh sau mưa lũ tại các tỉnh miền Trung.

3.3. Khuyến nghị

- Thường xuyên theo dõi các bản tin giám sát, cảnh báo và dự báo khí tượng thủy văn để có các giải pháp ứng phó kịp thời đối với thời tiết bất lợi và thiên tai.

Đối với trồng trọt:

- Các địa phương thuộc khu vực Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Nam Bộ có nguy cơ chịu ảnh hưởng của khô hạn và thiếu nước cần có kế hoạch tích trữ nước đủ để đảm bảo phục vụ sản xuất.
- Các tỉnh miền Trung cần có giải pháp thủy lợi phù hợp nhằm điều tiết tránh bị ngập úng, đặc biệt là các khu vực có diện tích cây trồng đang chuẩn bị thu hoạch

Đối với chăn nuôi: cần chú ý chuẩn bị các giải pháp ứng phó với tác động của rét đậm, rét hại và các tháng chính đông ảnh hưởng đến gia súc, gia cầm ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc. Dự trữ thức ăn, thường xuyên kiểm tra và giăng chống chuồng trại đảm bảo độ vững chắc nhằm đề phòng bão, lũ.



LIÊN HỆ:

Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu

Địa chỉ: Số 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.

Địa chỉ email: ktnn407@gmail.com hoặc nguyenson.imh@gmail.com

Số điện thoại: 0914888185.

Phụ trách bản tin:

- ThS. Nguyễn Hồng Sơn, Trưởng phòng Giám sát và Dự báo Khí tượng nông nghiệp.

- TS. Nguyễn Đăng Mậu, Phó Giám đốc điều hành Trung tâm.